

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Ông Đặng Văn Trị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1990 (Vắng mặt, có đơn)
Trú tại: Số nhà 332X TS, thành phố Q, tỉnh Bình Định

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N1, sinh năm 1979 (Có mặt).
Trú tại: Xóm Y, thôn M, xã B, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

Chị và anh Trần Văn N1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm; có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 19/3/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên kinh cãi, xúc phạm nhau nhưng vẫn chịu đựng chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phân ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì nữa. Chị yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn N1.

Về con chung: chị và anh Trần Văn N1 có 01 con chung là Trần Như Y (nữ), sinh ngày 22/8/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con

chung đến trưởng thành, yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng tùy theo anh N1.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa, bị đơn anh Trần Văn N1 trình bày: Anh thống nhất như chị N đã trình bày về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do vợ chồng tính tình không hợp. Do ảnh hưởng dịch Covid việc kinh doanh của anh gặp khó khăn, thua lỗ anh phải vắng nhà nhiều để lo công việc; chị N không hiểu mà còn nặng nề, làm cho vợ chồng thường hay cãi vã, dẫn đến xa cách. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: anh và chị N có 01 con chung là Trần Như Y (nữ), sinh ngày 22/8/2015. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc con chung đến trưởng thành, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con (hiện anh có công việc ổn định, thu nhập khoảng 11.000.000đ/tháng). Anh không đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, còn về mức cấp dưỡng thì anh không có ý kiến gì, đề nghị Tòa xem xét theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc thực hiện hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án: chưa thực hiện đúng theo quy định Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm (tuy nhiên có vi phạm thời hạn thời hạn thụ lý đơn, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát). Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn anh Trần Văn N1. Về con chung: Giao con chung là Trần Như Y (nữ), sinh ngày 22/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Hằng N nuôi dưỡng đến trưởng thành. Buộc anh Trần Văn N1 phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức theo quy định pháp luật từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung (Y) đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hằng N có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Trần Văn N1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 19/3/2012 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thông hiểu công việc và thông cảm cho nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm nhưng vẫn chịu đựng chung sống. Mâu thuẫn không được giải quyết nên ngày càng trầm trọng, từ năm 2018 cho đến nay phần ai nấy sống, bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu ly hôn với anh N1 (anh N1 cũng đồng ý) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Trần Văn N1 có 01 con chung là Trần Như Y (nữ), sinh ngày 22/8/2015. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung đến trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy con chung là con gái, cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho con trẻ áp dụng quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận yêu cầu của chị N.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con nhưng không đưa ra mức cụ thể. Anh N1 đề nghị xem xét theo quy định pháp luật. Áp dụng quy định tại các Điều 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên buộc anh N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000đ là phù hợp (anh N1 có thu nhập ổn định khoảng 11 triệu/ tháng)

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị Hằng N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007071 ngày 29/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị Nguyễn Thị Hằng N đã nộp đủ án phí.

Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn N1 phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hằng N:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn anh Trần Văn N1.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Như Y (nữ), sinh ngày 22/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Hằng N tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung Trần Như Y đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Hằng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007071 ngày 29/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị N đã nộp đủ án phí.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn N1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3/ Quyền kháng cáo: Anh Trần Văn N1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị Hằng N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam